

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HS-ST
Ngày: 28-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Nô;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lại, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Kim Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-HS ngày 14-6-2019, đối với bị cáo:

Lê Thanh T, sinh năm 1996 (tên gọi khác: Bảo), tại A; nơi đăng ký HKTT: Ấp Chánh H, xã B, huyện C, tỉnh A; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị Thanh Kim N; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2019 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Chương Quốc P, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 15A/15 khu phố Đông Tân, phường D, thị xã D, tỉnh B; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đoàn Thế H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 15A/15 khu phố Đông Tân, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; vắng mặt;

+ Ông Hà Văn V, sinh năm 1996; địa chỉ: Đường C, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Diệu Chí D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh T (tên gọi khác là B) và ông Chương Quốc P có mối quan hệ quen biết nhau và cùng làm thuê tại đại lý mua bán bia, nước ngọt Duy H, địa chỉ số 15A/15 khu phố Đông T, phường D, thị xã D, tỉnh B do ông Đoàn Thế H làm chủ.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 20/01/2019, ông Đoàn Thế H giao xe ô tô biển số 61C – 306.81 cho ông P làm tài xế để chở bia, nước ngọt đi giao và thu tiền tại các đại lý trên địa bàn xã H, thị xã T, tỉnh B và giao cho T đi theo ông P để làm phụ xe và khuân vác bia, nước ngọt. Trong lúc đi giao hàng, T nói với ông P là để T giữ tiền và tập thu tiền của các đại lý cho quen, nghe vậy nên ông P đồng ý và giao cho T thu tiền hàng và giữ số tiền thu được. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi giao bia, nước ngọt tại đại lý Tuấn T thuộc ấp 2, xã H là đại lý bia cuối cùng cần giao hàng, lúc này tổng số tiền mà T thu được từ các đại lý là 75.680.000 đồng. Sau đó ông P điều khiển xe ô tô 61C – 306.81 chở T đi đến 01 cửa hàng xe máy cũ thuộc ấp 1, xã H. Tại đây ông P mua 01 xe mô tô biển số 72V2 – 8704 với giá 5.700.000 đồng, do ông P không có tiền nên kêu T lấy tiền vừa thu từ các đại lý để trả tiền mua xe, sau đó ông P sẽ về phòng trọ của ông P lấy tiền trả lại, nghe vậy T lấy 5.700.000 đưa cho ông P làm thủ tục mua xe mô tô 72V2 – 8704. Sau khi mua xe xong, ông P giao xe mô tô 72V2 – 8704 cho T và bảo T chạy xe mô tô này về phòng trọ của ông P dùm. Đồng thời ông P đưa cho T 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A6+ của ông P để nhờ T đi cầm cố dùm ông P để đủ tiền trả cho ông H, vì số tiền tại phòng trọ của P không đủ. T đồng ý. Sau khi nhận xe mô tô 72V2 – 8704, điện thoại di động của ông P, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe 72V2 – 8704, điện thoại di động và số tiền thu từ các đại lý bia còn lại là 69.980.000 đồng. Thực hiện ý định, T điều khiển xe 72V2 – 8704 bỏ trốn đi thành phố V chơi và tiêu xài hết số tiền 62.010.000 đồng chiếm đoạt được, số tiền chiếm đoạt được còn lại là 7.970.000 đồng; riêng xe mô tô 72V2 – 8704 và điện thoại di động của ông P, T sử dụng đến ngày 23/01/2019 T cho một người bạn tên Hiếu (không rõ nhân thân, lai lịch) mượn xe mô tô 72V2 – 8704 đi công việc nhưng đến nay Hiếu không trả lại.

Sau khi giao tiền, xe mô tô 72V2 - 8704 và điện thoại di động cho T, ông P điều khiển xe ô tô 61C - 306.81 về đại lý H, sau đó về phòng trọ của ông P chờ T nhưng không thấy T về nên ông P nhiều lần gọi điện thoại cho T thì T không nghe máy. Đến ngày 21/01/2019 ông P đến Công an xã H trình báo sự việc. Công an xã H thông báo cho lực lượng Công an các xã, phường trên địa bàn giáp ranh và các Câu lạc bộ phòng chống tội phạm để biết.

Ngày 01/02/2019, ông Diệu Chí D là thành viên Câu lạc bộ phòng chống tội phạm xã Hội Nghĩa nhìn thấy Lê Thanh T đang đi bộ tại khu vực phường A,

thị xã T có đặc điểm giống đối tượng đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền, xe mô tô và điện thoại của ông P nên bắt giữ và giao T cho Công an xã Hội Nghĩa xử lý. Tại trụ sở Công an xã Hội Nghĩa, T đã khai nhận T bộ hành vi chiếm đoạt tiền, xe mô tô và điện thoại của ông P. Công an xã H tiến hành tạm giữ các đồ vật, tài sản T mang theo gồm:

- Số tiền 7.970.000 đồng (Bảy triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng);
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Glaxy A6+, màu xanh;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu FPT, màu xanh.

Sau đó, Công an xã H lập hồ sơ ban đầu và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 18/4/2019, ông Chương Quốc P nộp tại Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Uyên số tiền 5.700.000 đồng mà ông P đã mượn trong số tiền thu tại các đại lý bia, nước ngọt trên địa bàn xã Hội Nghĩa vào ngày 20/01/2019 của ông H để mua xe mô tô 72V2 – 8704.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 93/KLTS-TTHS ngày 20/3/2019 và số 54/KLTS – TTHS ngày 29/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Tân Uyên xác định: giá trị của 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Glaxy A6+, màu xanh, giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.060.000 đồng (bốn triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Symex, màu đen bạc, biển số 72V2 – 8704, số khung SMN9H – 008266, số máy MHV – 01108266, giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.300.000 đồng. Ngày 12/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 82 trả lại cho ông Chương Quốc P 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Glaxy A6+, màu xanh.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Symex, màu đen bạc, biển số 72V2 – 8704, số khung SMN9H – 008266, số máy MHV – 01108266 do bà Võ Thị Thanh đứng tên trong giấy đăng ký xe. Bà Hạnh khai đã bán xe mô tô này cho một người thanh niên vào khoảng tháng 6/2015 với giá 6.500.000 đồng. Hiện xe mô tô biển số 72V2 – 8704 Cơ quan điều tra chưa thu hồi được. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thông báo truy tìm đối với xe mô tô này.

Về phân trách nhiệm dân sự: Ông Đoàn Thế H yêu cầu ông Chương Quốc P và Lê Thanh T trả lại cho ông H số tiền 75.680.000 đồng đã thu từ các đại lý nước ngọt trên địa bàn xã H ngày 20/01/2019 và không có yêu cầu gì khác.

Ông Chương Quốc P yêu cầu Lê Thanh T trả lại xe mô tô biển số 72V2 – 8704 cho ông P và số tiền 69.980.000 đồng đã thu từ các đại lý nước ngọt trên địa bàn xã H ngày 20/01/2019 cho ông H, ngoài ra ông P không có yêu cầu gì khác.

Cáo trạng số 73/CT-VKS-TU ngày 13/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả cho ông Chương Quốc P số tiền 67.310.000 đồng; buộc ông Chương Quốc P trả cho ông Đoàn Thế H số tiền 62.010.000 đồng; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu FPT, màu xanh; trả cho ông Đoàn Thế H số tiền 13.670.000 đồng; trả cho ông Hà Văn V 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn V.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh T đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 20/01/2019, tại xã Hội Nghĩa, thị xã T, tỉnh B, Lê Thanh T đã lợi dụng sự tin tưởng của ông Chương Quốc P giao số tiền 69.980.000 đồng; 01 (một) xe mô tô xe hiệu Symex, màu đen bạc, biển số 72V2 – 8704 trị giá 5.300.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6+, màu xanh trị giá 4.060.000 đồng cho T giữ gìn, sau đó T thực hiện hành vi chiếm đoạt và mang đi sử dụng, tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản và số tiền T chiếm đoạt là 79.340.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 73/CT-VKS-TU ngày 13/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam và vì động cơ tư lợi nên đã cố ý phạm tội. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã

hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét T diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét thấy, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại cần buộc bị cáo trả cho ông Chương Quốc P số tiền 67.310.000 đồng; buộc ông Chương Quốc P phải trả cho ông Đoàn Thế H số tiền 62.010.000 đồng; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu FPT, màu xanh; trả cho ông Đoàn Thế H số tiền 13.670.000 đồng; trả cho ông Hà Văn V 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn V.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo và bị hại phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02-02-2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo Lê Thanh T phải bồi thường cho bị hại ông Chương Quốc P số tiền 67.310.000 đồng; buộc ông Chương Quốc P phải trả cho ông Đoàn Thế H số tiền 62.010.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả cho ông Hà Văn V 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn V, số 352318894; trả cho bị cáo Lê

Thanh T 01 điện thoại di động hiệu FPT, màu xanh, số IMEI 980011007687479; tiếp tục tạm giữ số tiền 13.670.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo Lê Thanh T phải nộp số tiền 3.365.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm; buộc ông Chương Quốc P phải nộp số tiền 3.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp